

An Giang, ngày 30 tháng 06 năm 2026

KẾ HOẠCH
Vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 07/2026

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương về Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Căn cứ Công văn số 6629/EVN SPC ngày 28/08/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch cung cấp điện;

Căn cứ Phương thức vận hành hệ thống điện miền Nam tháng 7/2026 của Trung tâm điều độ hệ thống điện miền Nam.

Công ty Điện lực An Giang (PCAG) lập kế hoạch vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 7/2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH THÁNG 06/2026

Trong tháng 06/2026, PCAG đã đảm bảo cung cấp điện, đặc biệt là kỳ thi tuyển sinh THPT và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Sản lượng điện nhận tháng 06/2026 ước đạt 593 triệu kWh (đã bao gồm điện nhận từ năng lượng mặt trời), cao hơn 0,85% so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng bình quân ngày là 19,7 triệu kWh, sản lượng ngày cao nhất đạt 21,7 triệu kWh (ngày 23/6/2026) và công suất ngày cao nhất là 1088MW (ngày 22/6/2026).

Stt	Sản lượng điện nhận- Công suất	HTĐ	Tháng 6		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	592.920.771	587.949.205	0,85
		A ngày tb (kWh)	19.764.026	19.598.307	0,85
		A ngày max (kWh)	21.772.412	21.611.105	0,75
		A ngày min (kWh)	18.029.560	17.045.604	5,77
2	Công suất	P max (MW)	1.088,2	965,3	12,73
		P min (MW)	511	451	13,30

1. Các chỉ tiêu kỹ thuật – vận hành

1.1.Tình hình mất điện

Mất điện do sự cố nguồn: Không.

1.2.Tình hình vận hành hệ thống điện

- Về đường dây 110kV

+ Đường dây 110kV thường xuyên vận hành ngắn hạn trên 90% (do A2 thay đổi kết lưới): ĐD 173 Châu Đốc 2 – 172 Phú Châu.

+ Đường dây 110kV thường xuyên vận hành trên 80%: 173 Hà Tiên – 172 Phú Quốc.

- Về trạm 110kV

+ Các MBA đầy tải ngắn hạn >80%: MBA T2 Kiên Lương 2, MBA T2 Minh Phong.

+ Các MBA T2 Hòn Đất, T2 Kiên Lương 2: một số ngày nắng tốt, công suất phát ngược từ lưới 22kV lên lưới 110kV trong khoảng thời gian từ 10:00 - 14:00.

1.3. Độ tin cậy cung cấp điện (phân phối)

- Thực hiện tháng 06/2026: SAIDI là 12 phút; MAIFI là 0,123 lần; SAIFI là 0,084 lần.

- Lũy kế 06 tháng: SAIDI = 91 /214 phút (# 42,5% KH năm), MAIFI = 0,57 /1,46 lần (# 39,0% KH năm), SAIFI = 0,75 /1,89 lần (# 39,7% KH năm).

1.4. Về sự cố lưới điện

1.4.1. Sự cố lưới 22kV:

- Tháng 6/2026 xảy ra 31 vụ sự cố, giảm 03 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó sự cố KD là 18 vụ, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2025; sự cố TQ là 13 vụ, giảm 04 vụ so với cùng kỳ năm 2025; sự cố TBA 00 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

- Lũy kế 06 tháng: xảy ra 123 vụ, giảm 36 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó sự cố KD là 77 vụ, giảm 22 vụ; sự cố TQ là 46 vụ, giảm 22 vụ so với cùng kỳ năm 2025; sự cố TBA 00 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

1.4.2. Sự cố lưới 110kV:

- Tháng 06/2026: Không xảy ra sự cố.

- Lũy kế 06 tháng: 01 vụ KD, 01 vụ TBA, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

2. Tình hình điện áp thấp, mang tải cao, đầy/quá tải

- Điện áp thấp: Không.

- Đường dây 22kV mang tải cao (>300A): 480PQ, 471PQ, 475PQ, 476PQ, 471LX, 478LX, 477AC.

3. Tình hình huy động công suất nguồn điện mặt trời mái nhà

Thực hiện huy động công suất tối đa nguồn điện mặt trời mái nhà theo phân bổ hàng tuần của Tổng công ty.

II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THÁNG 07/2026

1. Dự kiến sản lượng điện nhận, công suất

- Sản lượng điện nhận dự kiến: 587 triệu kWh, giảm 1,0% so với tháng 06/2026 và tăng 0,82% so với tháng cùng kỳ năm 2025.
- Công suất lớn nhất trong tháng: $P_{\max} \sim 1077$ MW.
- Công suất nhỏ nhất trong tháng: $P_{\min} \sim 520$ MW.

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 7		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	586.991.563	582.224.583	0,82
		A ngày tb (kWh)	18.935.212	18.765.113	0,91
		A ngày max (kWh)	21.554.688	20.368.992	8,48
		A ngày min (kWh)	17.849.264	16.921.007	5,49
2	Công suất	P max (MW)	1.077	972	10,8
		P min (MW)	520	486	7,0

2. Kế hoạch huy động nguồn điện năng lượng mặt trời

- NMD mặt trời Bình Hòa 10MW: Huy động công suất phát tối đa theo phân bổ trên trang web: www.thitruongdien.evn.vn của đơn vị Điều độ HTĐ quốc gia.
- Nguồn năng lượng mặt trời mái nhà: Thực hiện theo công bố công suất huy động tối đa nguồn năng lượng mặt trời mái nhà hàng tuần của Tổng công ty.

3. Kết dây cơ bản lưới điện 110kV

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
1.	Long Xuyên	MC 171	Thường mở	MBA T1, T2 nguồn Long Xuyên 2
2.	An Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Long Xuyên 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
3.	Chợ Mới	MC 412	Thường mở	Trạm nhận nguồn Cao Lãnh 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
4.	Phú Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 ĐZ 110kV cấp T2 Hồng Ngự
5.	Cái Dầu	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
6.	Châu Đốc	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
7.	Tri Tôn	MC 132	Thường mở	MBA T1 cấp C41, C42 MBA T2 vận hành kinh tế
8.	Thoại Sơn	MC 131	Thường mở	MBA T2 cấp C41, C42 MBA T1 vận hành kinh tế
9.	Phú Tân	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2
10.	An Phú	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
11.	Hòn Đất	MC 171	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T2 cấp C42
12.	Kiên Lương 2	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
13.	Hà Tiên	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
14.	Minh Phong	MC 412	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
15.	Rạch Giá	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42

4. Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Theo phụ lục đính kèm.

5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới 110kV, 22kV

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 110kV tháng 07/2026:

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
Đường dây: 110kV 181 Tịnh Biên - 175 Hà Tiên:	03/7/2026 07:00	03/7/2026 17:00	Kiểm tra, vệ sinh siết lẻo các vị trí néo toàn tuyến; chèn kín chống chim đầu xà khoảng trụ T113 đến T131 và T165 đến T210 đường dây 110kV Tịnh Biên - Hà Tiên
- Trạm 110KV Hội An: MC 132, MC 432, T2, C42	04/7/2026 07:00	04/7/2026 16:00	Xử lý rịn dầu khớp nối role F96 MBA T2, kết hợp xử lý tồn tại và vệ sinh công nghiệp trạm 110kV Hội An
- Trạm 110kV Thạnh Đông: MC 172, MBA T2, MC 112, MC 432, MC 421, C42 - Đường dây 172 Thạnh Đông - 176 Rạch Giá 2	08/7/2026 6:00	08/7/2026 18:00	- CBM ngăn 172, C12, 112, T2, C42. - Đo PD Cấp ngầm lộ tổng 432, kết dãn 421, các phát tuyến C42.
Đường dây 110kV 173 Châu Đốc 2 - 172 Phú Châu	10/7/2026 07:00	10/6/2026 17:00	Kiểm tra, vệ sinh siết lẻo các vị trí néo toàn tuyến; tháp đột, nâng cao đột vồng pha đất các vị trí A56/27, A56/28, A56/48 đường dây 110kV Châu Đốc 2 - Phú Châu

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 22kV tháng 07/2026: Kiểm tra bảo dưỡng lưới điện, thí nghiệm CBM, triển khai cắt điện thi công các công trình ĐTXD, SCL năm 2026.

6. Dự kiến kế hoạch đưa vào vận hành của các công trình điện mới

- Đường dây 110kV 172 Tri Tôn – 173 Thoại Sơn.
- Đường dây 110kV 171 Phú Quốc – 171 Nam Phú Quốc.

7. Kế hoạch vận hành lưới 22kV, 110kV

Vận hành theo kết dây cơ bản lưới điện 22kV, 110kV như hiện nay, linh hoạt vận hành kết dây khi đưa vào các công trình mới.

Đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng và các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án cung cấp điện để đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai; nắm bắt tình hình tại địa phương để có phương án cung ứng điện kịp thời.

Tăng cường công tác quản lý vận hành, kiểm tra hành lang ATLĐCA, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác tuyên truyền và xử lý; tăng cường công tác kiểm tra các vị trí xung yếu, các khu vực có nhiều cây cối, khu vực đông dân cư, khu vực có công trường xây dựng, khu vực có phụ tải tăng cao bất thường để có giải pháp phù hợp chi tiết triển khai tại từng khu vực nhằm giảm thiểu tối đa sự cố lưới điện.

Thực hiện huy động công suất ĐMTMN theo công bố công suất huy động của nguồn ĐMTMN tránh quá tải lưới điện.

Thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo cung cấp điện năm 2026, phương án ứng phó mất cân đối cung cầu hệ thống điện, kế hoạch vận hành lưới điện tháng của PCAG, phương thức vận hành của A2. Triển khai thực hiện đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong các tháng mùa mưa bão năm 2026./.

Phụ lục : Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
1.	478 Long Xuyên	478 An Châu	478LX/110	LBS
2.	482 Long Xuyên	477 An Châu	482LX/137	MC
3.	480 Long Xuyên	479 Long Xuyên 2	472-480LX/56A	LBS
4.	473 Long Xuyên	473 Thới Thuận	472-473TT/14/23	MC
5.	475 Long Xuyên	472 Thới Thuận	472-473TT/14/19A	MC
6.	471 Long Xuyên 2	471 Thoại Sơn	473-471TS/215	LBS
7.	473 Long Xuyên 2	473 Thoại Sơn	473-471TS/214	LBS
8.	474 Thoại Sơn	477 Tri Tôn	474TS/415	LBS
9.	475 An Châu	473 Cái Dầu	473CD/202	MC
10.	481 An Châu	479 Tri Tôn	481AC/301	LBS
11.	471 Cái Dầu	472 Châu Đốc	471CD/189	LBS
12.	475 Cái Dầu	479 Tri Tôn	475CD/492	MC
13.	476 Cái Dầu	481 An Châu	481AC/323	LBS
14.	471 Tri Tôn	475 Tịnh Biên	471TT/318/220	DS
15.	478 Tri Tôn	481 Tịnh Biên	481TB/277	MC
16.	475 Châu Đốc	471 An Phú	475CĐ/79/32B/2A	LBS
17.	480 An Phú	472 Phú Châu	472PC/134	LBS
18.	482 An Phú	476 Phú Châu	472PC/118.157.3	LBS
19.	476 Phú Châu	475 Phú Tân	474PC/66.108	MC
20.	477 Phú Châu	480 Phú Tân	477PC/341	MC
21.	473 Phú Tân	471 Chợ Mới	475PT/346	LBS
22.	473 Phú Tân	472 Chợ Mới	482CM/121	MC
23.	479 Chợ Mới	472 Hội An	475TH/372	LBS
24.	472 Hội An	475 Thạnh Hưng	475TH/46	MC
25.	480 Hội An	482 Chợ Mới	480-482CM/264	DS
26.	482 Hội An	482 Thạnh Hưng	477TH/146	MC
27.	478 Châu Đốc	479 Tịnh Biên	471CĐ/179	MC
28.	471 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	471RG/86	DS
29.	475 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	475RG/97	DS
30.	475 Rạch Giá	480 Vĩnh Quang	475RG/81/1	LBS
31.	474 Rạch Giá	472 Vĩnh Quang	474RG/95	DS
32.	476 Rạch Giá	471 Chung Sự	471-473CS/90	LBS

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
33.	476 Rạch Giá	477 Chung Sur	471CS/3/88	DS
34.	478 Rạch Giá	473 Chung Sur	471-473CS-476-478RG/5P	LBS
35.	474 Vĩnh Quang	474 Hòn Đất	474HĐ/286A	LBS
36.	471 Chung Sur	474 Rạch Giá	474RG/38D/78	LBS
37.	475 Chung Sur	475 Thạnh Đông	475CS/475TĐ/95	LBS
38.	477 Chung Sur	477 Thạnh Đông	477TĐ/477CS/112	LBS
39.	476 Minh Phong	477 Giồng Riềng	476MP/183	LBS
40.	478 Minh Phong	473 Chung Sur	478MP/185A	LBS
41.	480 Minh Phong	471 Chung Sur	478MP/471/2	LBS
42.	471 Minh Phong	472 An Biên	472AB/159	LBS
43.	477 Thạnh Đông	471 Giồng Riềng	472GR/131	LBS
44.	472 Thạnh Đông	478 Vĩnh Thạnh (PC Cần Thơ QLVH)	478VT/367 (Cần Thơ QLVH)	LBS
45.	477 Giồng Riềng	481 Gò Quao	481GQ/253	LBS
46.	479 Gò Quao	471 Vị Thanh (PC Cần Thơ QLVH)	471VT/390	MC
47.	478 An Biên	473 U Minh Thượng	478AB/39	MC
48.	472 An Biên	479 U Minh Thượng	472AB/138/5P	MC
49.	471 U MinhThượng	474 Vĩnh Thuận	471UMT/132	MC
50.	478 Vĩnh Thuận	476 An Xuyên (PC Cà Mau QLVH)	478VT/102	MC
51.	472 Hòn Đất	471 Kiên Lương 2	472HĐ/265	LBS
52.	477 Kiên Lương 2	480 Hà Tiên	477KL2/130	LBS
53.	475 Hà Tiên	471 Tri Tôn	475HT/343	LBS
54.	473 Phú Quốc	471 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/242	LBS
55.	475 Phú Quốc	473 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/246	LBS
56.	480 Phú Quốc	475 Nam Phú Quốc	472PQ/157/14	LBS